TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6 /2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Phạm Thị Dung
Ông Dương Quý Sáng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bàn Văn T - sinh năm: 1990
Địa chỉ: Thôn 4 M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai
Có mặt.
Bị đơn: Chị Trương Thị L - sinh năm: 1994
Địa chỉ: Thôn 4 M, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai
Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 22/3/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bàn Văn T trình bày:

Anh và chị Trương Thị L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai ngày 07/01/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T bắt được chị L có quan hệ tình cảm với người khác nên hai vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, anh đã tha thứ cho chị L nhưng chị L không đồng ý quay về đoàn tụ. Đến cuối năm 2020 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sau đó đi làm thuê, từ đó đến nay anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm tới nhau.

Bản thân anh không còn tình cảm với chị L nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung là cháu Bàn Tiến A sinh ngày 17/4/2013 hiện đang ở cùng với anh. Khi ly hôn anh đề nghị Toà án giải quyết để anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ngoài ra anh không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

Đối với bị đơn chị Trương Thị L, theo xác minh của Toà án thì chị L sinh sống tại thôn 4 M, xã T nhưng hiện chị L vắng mặt tại địa phương không rõ thời điểm trở về. Toà án đã niêm yết đầy đủ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng chị L không có văn bản trả lời và không có mặt tại Toà án để hoà giải.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Toà án đã hỏi ý kiến cháu Bàn Tiến A và cháu có nguyện vọng muốn ở với bố. Vụ án này Toà án không hoà giải được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và xin nuôi con chung. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử cho anh Bàn Văn T ly hôn chị Trương Thị L. Xử giao cháu Bàn Tiến A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Bàn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với chị Trương Thị L. Căn cứ các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Chị L vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt chị L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì anh Bàn Văn T và chị Trương Thị L có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2013 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo anh T thì anh chị có mâu thuẫn xảy ra do chị L có quan hệ tình cảm với người khác và sau đó đã bỏ đi làm ăn từ cuối năm 2020 đến nay không về chung sống cùng anh. Theo xác minh của Toà án thì cuộc sống của anh chị có mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay là đúng sự thật, từ khi ly thân chị L

về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 4 V, xã T sau đó đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về địa phương. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, anh chị không còn thương yêu nhau và hiện đã ly thân một thời gian nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T ly hôn chị L.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị L có một con chung là cháu Bàn Tiến A sinh ngày 17/4/2013, cháu có nguyện vọng muốn ở với bố. Xét thấy từ khi anh chị ly thân cháu ở với anh T, bản thân anh T là lao động tự do có cửa hàng sửa chữa xe máy có thu nhập đủ khả năng điều kiện nuôi dưỡng con chung. Vì vậy để đảm bảo cho cháu được ổn định cuộc sống, học tập và được chăm sóc tốt nhất thì Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Tiến A. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh T không yêu cầu gì nên chị Liên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Anh T trình bày anh chị có tài sản chung nhưng anh không đề nghị chia tài sản chung và công nợ chung trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Xử cho anh Bàn Văn T ly hôn chị Trương Thị L.

2/ Về con chung: Xử giao cháu Bàn Tiến A sinh ngày 17/4/2013 cho anh Bàn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Trương Thị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Trương Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/Về án phí: Anh Bàn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0003466 ngày 23/3/2022, anh đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã kí)

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hoàng Thị Giang Thanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên;
- UBND xã Lương Sơn;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọaphiên tòa

Hoàng Thị Giang Thanh